

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HOÀ
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **103/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 16-8-2023.
V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HOÀ, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Huy Toàn

Ông Hồ Hải Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 453/2023/TLST-HNGĐ ngày 22/6/2023 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/8/2023 giữa:

*** Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Mỹ A, sinh năm: 1974

Trú tại: Tổ D, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Bị đơn:** Ông Lê Hoàng B, sinh năm: 1969

Trú tại: Tổ D, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các buổi làm việc, nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ A trình bày:** Bà và ông Lê Hoàng B đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N (nay là phường H), thị xã N và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54, quyển số I ngày 12/7/2001. Quá trình chung sống, giữa bà và ông B thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, kinh cãi do tính cách không hợp. Ông B thường nhậu nhẹt say xỉn về chửi bới đánh đập, đuổi bà ra khỏi nhà, làm ảnh hưởng đến tinh thần và sức khỏe của bà. Từ tháng 4/2023 đến nay, ông bà đã không còn sống chung. Bà đã tìm cách khuyên bảo ông B để ông bà có thể tiếp tục mối quan hệ vợ chồng, chăm sóc cho các con nhưng không được. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn vì vậy bà A đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

- Về con chung: Ông bà có hai con chung là các cháu Lê Thuỳ C1, sinh ngày 24/02/2006 và Lê Thuỳ C2, sinh ngày 19/02/2001. Cháu C1 đã trưởng

thành nên không đề nghị Toà án xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu C2 và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hoà đã triệu tập các đương sự đến tại trụ sở Tòa án để lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng chỉ có mặt nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ A còn bị đơn ông Lê Hoàng B vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Vì vậy, Tòa án không thể lấy ý kiến cũng như tiến hành hoà giải cho các đương sự theo thủ tục được.

*** *Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị Mỹ A và cho bà A được ly hôn với ông B.

+ Về con chung: Cháu Lê Thuỳ C1 sinh ngày 19/02/2001 đã trưởng thành nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Đối với cháu Lê Thuỳ C2, sinh ngày 24/02/2006 đề nghị Hội đồng xét xử giao cho bà Phạm Thị Mỹ A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Bà A phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về quan hệ hôn nhân gia đình về ly hôn, con chung vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm.

- Bị đơn hiện đang cư trú tại Tổ D, phường H, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Mỹ A và ông Lê Hoàng B tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn N (nay là UBND phường H) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54, quyển số I ngày 12/7/2001 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa ông bà nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất hoà. Ông B thường nhậu nhẹt say xỉn, về chửi bới, la mắng, đánh đập và đuổi bà A ra khỏi nhà. Bà A đã tìm nhiều cách để ông B thay đổi nhằm giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng không được. Từ tháng 4/2023 đến nay ông bà đã không còn sống chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông B nhưng không nhận được bất kỳ ý kiến gì của ông. Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông B có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì thế có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Hôn nhân giữa bà Phạm Thị Mỹ A và ông Lê Hoàng B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, quan B, chăm sóc, giúp đỡ nhau được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, việc Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Bà Phạm Thị Mỹ A và ông Lê Hoàng B có hai con chung là các cháu Lê Thuỳ C1, sinh ngày 24/02/2006 và Lê Thuỳ C2, sinh ngày 19/02/2001. Cháu C1 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi ly hôn, bà A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C2 và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy tại Bản tự khai ngày 19/7/2023 cháu Lê Thuỳ C2 cũng có nguyện vọng được ở với mẹ là bà Phạm Thị Mỹ A. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu C2 cho bà A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[5] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ A.

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Mỹ A được ly hôn với ông Lê Hoàng B.

- Về con chung: Cháu Lê Thuỳ C1, sinh ngày 19/02/2001 đã trưởng thành. Giao cháu Lê Thuỳ C2, sinh ngày 24/02/2006 cho bà Phạm Thị Mỹ A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Lê Hoàng B không cấp dưỡng nuôi con do bà A không yêu cầu.

Ông Lê Hoàng B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Mỹ A không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Mỹ A phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0001146 ngày 20/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà Phạm Thị Mỹ A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- UBND phường H (GCNKH số 54, quyển số I, ngày 12/7/2001);
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thanh Huyền